

Thanh Hóa, ngày 04 tháng 6 năm 2024

Số: 204/2024/CNTH-TB

THÔNG BÁO MỜI THAM GIA ĐẦU GIÁ

Quyền sử dụng đất Khu dân cư mới, xã Xuân Minh, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

(Theo MBQH số 2478/QĐ-UBND ngày 28/10/2021 của UBND huyện Thọ Xuân)

1. Tên, địa chỉ của tổ chức đấu giá tài sản:

- Công ty Đầu giá Hợp danh Số 5 - Quốc gia Chi nhánh Thanh Hóa;
- Địa chỉ: Số 126 Triệu Quốc Đạt, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

2. Người có tài sản đấu giá, đơn vị tổ chức thực hiện việc đấu giá:

- UBND huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa.
- Địa chỉ: Khu 2 thị trấn Thọ Xuân, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

3. Thông tin tài sản đấu giá:

- Khu đất đấu giá bao gồm 285 lô đất ở Khu dân cư mới, xã Xuân Minh, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa.
- Thông tin cụ thể của các lô đất như sau:

3.1. Vị trí, diện tích: Khu dân cư mới, xã Xuân Minh, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa (Theo MBQH số 2478/QĐ-UBND ngày 28/10/2021 của UBND huyện Thọ Xuân)

* Tổng diện tích đất đưa ra đấu giá: 38.573,9 m², được chia thành 285 lô đất.

- Diện tích từng lô đất: *Có phụ lục chi tiết kèm theo*

3.2. Giá khởi điểm và hiện trạng của các lô đất đấu giá:

* Giá khởi điểm của từng lô đất: *Có phụ lục chi tiết kèm theo.*

* Hiện trạng các lô đất đấu giá: Các lô đất đấu giá đã được thu hồi đất, đền bù bồi thường GPMB, theo quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

4. Mục đích, hình thức giao đất, thời hạn sử dụng đất:

- Mục đích sử dụng đất: Đất ở
- Hình thức giao đất: Nhà nước giao đất có tiền sử dụng đất thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất.
- Thời hạn sử dụng đất: lâu dài.

5. Tiền mua hồ sơ và tiền đặt trước tham gia đấu giá

5.1. Tiền mua hồ sơ: Từ 200.000 đồng đến 500.000 đồng/01 hồ sơ/01 lô đất (Hồ sơ đã mua không được đổi, trả lại, trừ trường hợp cuộc đấu giá không được tổ chức).

5.2. Tiền đặt trước: Từ 75.905.000 đồng đến 327.936.000 đồng/01 hồ sơ/01 lô đất.

6. Hình thức đấu giá, phương thức đấu giá, bước giá:

6.1. Hình thức đấu giá: Đấu giá bằng bỏ phiếu kín trực tiếp tại cuộc đấu giá. Đấu giá một vòng duy nhất.

6.2. Phương thức đấu giá: Trả giá lên.

6.3. Bước giá:

- Trong trường hợp tổ chức đấu giá tiếp: Bước giá để đấu giá là phần chênh lệch giữa mức giá do đơn vị thực hiện cuộc đấu giá quyền sử dụng đất công bố cho vòng đấu tiếp theo so với mức giá trả cao nhất của vòng đấu trước liền kề. Bước giá để tổ chức đấu giá tiếp giữa những người cùng trả giá cao nhất trong 01 lô đất (nếu có) là 1% mức giá trả cao nhất của vòng đấu liền kề trước đó.

7. Đối tượng, thành phần hồ sơ, điều kiện, cách thức đăng ký tham gia đấu giá:

7.1. Hộ gia đình, cá nhân có đủ năng lực hành vi dân sự theo quy định của pháp luật, thuộc trường hợp được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất, cho thuê đất theo quy định của Điều 55 và Điều 56 Luật Đất đai năm 2013, có đủ điều kiện tham gia theo quy định của Điều 4 của Quyết định 22/2023/QĐ-UBND ngày 19/6/2023 của UBND tỉnh Thanh Hóa.

7.2. Thành phần hồ sơ tham gia đấu giá:

- Đơn đăng ký tham gia đấu giá đã ghi đầy đủ các nội dung theo mẫu của Công ty Đấu giá Hợp danh Số 5 - Quốc gia Chi nhánh Thanh Hóa (có dấu đỏ), (trong đó có nội dung cam kết không nợ đọng tiền sử dụng đất, tiền thuê đất và các khoản nộp ngân sách nhà nước theo quy định; cam kết khi trúng đấu giá phải sử dụng đất đúng mục đích, đúng quy hoạch, đúng tiến độ, đúng thời hạn nộp tiền theo quy định);

- Bản sao CCCD có gắn chip **hoặc** Bản sao CCCD chưa gắn chip/CMND kèm Giấy xác nhận nơi cư trú do cơ quan có thẩm quyền cấp.

- Văn bản ủy quyền được thực hiện tại văn phòng công chứng theo quy định pháp luật (nếu có ủy quyền).

7.3. Điều kiện, cách thức đăng ký tham gia đấu giá:

- Phải nộp đầy đủ hồ sơ tham gia đấu giá và đảm bảo đúng thời hạn theo quy định tại thông báo này.

- Người đăng ký tham gia đấu giá bao nhiêu lô đất thì mua hồ sơ và nộp tiền đặt trước tương ứng với số lô đất tham gia đấu giá.

- Không thuộc các trường hợp người không được tham gia đấu giá tài sản được quy định tại Luật đấu giá tài sản năm 2016.

8. Thời gian, địa điểm bán hồ sơ, tiếp nhận hồ sơ, xem tài sản, thu tiền đặt trước, và tổ chức cuộc đấu giá:

- Thời gian, địa điểm tham khảo hồ sơ, mua hồ sơ, tiếp nhận hồ sơ (Trong giờ hành chính):

+ Ngày 20/6/2024; 21/6/2024 và ngày 24/6/2024 bán và tiếp nhận hồ sơ tại Trụ sở UBND xã Xuân Minh, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

+ Từ ngày 07/6/2024 đến 17h00' ngày 24/6/2024 bán và tiếp nhận hồ sơ tại Công ty Đấu giá Hợp danh Số 5 - Quốc gia chi nhánh Thanh Hóa.

- Xem tài sản (Trong giờ hành chính): Liên tục từ ngày 17/6/2024 đến hết ngày 18/6/2024 tại Khu dân cư mới, xã Xuân Minh, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa (Theo MBQH số 2478/QĐ-UBND ngày 28/10/2021 của UBND huyện Thọ Xuân)

Người tham gia đấu giá có nhu cầu xem thông tin và thực địa khu đất liên hệ Công ty Đấu giá Hợp danh Số 5 - Quốc gia Chi nhánh Thanh Hóa trong các ngày nêu trên để được hướng dẫn chi tiết hoặc chủ động đi xem thực địa khu đất, sơ đồ MBQH và thông báo, Quyết định được niêm yết tại Nhà thi đấu huyện Thọ Xuân, UBND xã Xuân Minh, trụ sở Công ty Đấu giá Hợp danh Số 5 - Quốc gia Chi nhánh Thanh Hóa.

- **Thời gian và hình thức nộp tiền đặt trước:** Trong 03 ngày từ ngày 24/6/2024 đến 17h00' ngày 26/6/2024

+ **Hình thức nộp:** Nộp tiền vào tài khoản **Công ty Đấu giá Hợp danh Số 5 - Quốc gia Chi nhánh Thanh Hóa**; Số tài khoản **106633997777** tại Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt (LPBank) – Chi nhánh Thanh Hóa.

Nội dung nộp tiền đặt trước: [Họ tên], [Số CMND/CCCD] nộp tiền đặt trước đấu giá QSDĐ tại xã Xuân Minh (Số lượng: lô đất)

Ví dụ: Nguyễn Văn A, CMND 012345678 nộp tiền đặt trước đấu giá QSDĐ tại xã Xuân Minh (02 lô đất).

+ **Lưu ý:** Người đăng ký tham gia đấu giá nộp tiền vào tài khoản theo tên của người đăng ký tham gia đấu giá, ghi rõ nội dung nộp tiền đấu giá tại xã **Xuân Minh** để tránh nhầm lẫn và tiền đặt trước phải có trong tài khoản của Công ty Đấu giá Hợp danh Số 5 - Quốc gia Chi nhánh Thanh Hóa chậm nhất đến 17h00' ngày 26/6/2024.

- **Tổ chức cuộc đấu giá:** Vào hồi **08h00'** ngày **27/6/2024 – Thứ 5** tại Nhà thi đấu huyện Thọ Xuân (Địa chỉ: Đường Quế Sơn, khu 6 thị trấn Thọ Xuân, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa)

- **Thông tin chi tiết, vui lòng liên hệ:**

Số điện thoại: 0237.3511969 (Liên hệ trong giờ hành chính); Email: daugiaso5quocgia.thanhhoa@gmail.com.

- Kính đề nghị Văn phòng UBND tỉnh Thanh Hóa đăng tải thông tin này trên cổng thông tin điện tử tỉnh Thanh Hóa.

Nơi nhận:

- Cổng TT điện tử QG về đấu giá tài sản – Bộ Tư pháp;
- VP UBND tỉnh Thanh Hóa;
- Báo Thanh Hóa (đăng Q/C);
- UBND huyện Thọ Xuân;
- Nhà thi đấu huyện Thọ Xuân (N/Y)
- UBND xã Xuân Minh (N/Y);
- Người tham gia đấu giá;
- Lưu VT.

TRƯỞNG CHI NHÁNH



Kiều Thị Lan



Thanh Hóa, ngày 04 tháng 6 năm 2024

PHỤ LỤC

**Chi tiết diện tích, giá khởi điểm, tiền đặt trước, tiền mua hồ sơ tham gia
đấu giá quyền sử dụng đất Khu dân cư mới, xã Xuân Minh, huyện Thọ
Xuân, tỉnh Thanh Hóa**

(Theo MBQH số 2478/QĐ-UBND ngày 28/10/2021 của UBND huyện Thọ
Xuân)

(Kèm theo Thông báo số: 204/2024/CNTH-TB ngày 04/6/2024
của Công ty Đấu giá Hợp danh Số 5 – Quốc gia Chi nhánh Thanh Hóa)

STT	Ký hiệu lô đất	Diện tích (m ²)	Đơn giá (đồng/m ²)	Giá khởi điểm để đấu giá (đồng/lô đất)	Tiền hồ sơ (đồng/hồ sơ/lô đất)	Tiền đặt trước (đồng/hồ sơ/lô đất)	Ghi chú
1	LK-A:01	192,10	4.730.000	908.633.000	500.000	181.726.000	Đường QH 7,5m x2 DV
2	LK-A:02	132,20	4.250.000	561.850.000	500.000	112.370.000	Đường QH 7,5m x2
3	LK-A:03	133,10	4.250.000	565.675.000	500.000	113.135.000	Đường QH 7,5m x2
4	LK-A:04	131,60	4.250.000	559.300.000	500.000	111.860.000	Đường QH 7,5m x2
5	LK-A:05	130,10	4.250.000	552.925.000	500.000	110.585.000	Đường QH 7,5m x2
6	LK-A:06	128,70	4.250.000	546.975.000	500.000	109.395.000	Đường QH 7,5m x2
7	LK-A:07	129,60	4.250.000	550.800.000	500.000	110.160.000	Đường QH 7,5m x2
8	LK-A:08	131,30	4.250.000	558.025.000	500.000	111.605.000	Đường QH 7,5m x2
9	LK-A:09	133,10	4.250.000	565.675.000	500.000	113.135.000	Đường QH 7,5m x2
10	LK-A:10	134,90	4.250.000	573.325.000	500.000	114.665.000	Đường QH 7,5m x2
11	LK-A:11	136,20	4.250.000	578.850.000	500.000	115.770.000	Đường QH 7,5m x2
12	LK-A:12	136,20	4.250.000	578.850.000	500.000	115.770.000	Đường QH 7,5m x2
13	LK-A:13	136,10	4.250.000	578.425.000	500.000	115.685.000	Đường QH 7,5m x2
14	LK-A:14	136,10	4.360.000	593.396.000	500.000	118.679.000	Đường QH 7,5m x2 CXMT

15	LK-A:15	135,90	4.360.000	592.524.000	500.000	118.504.000	Đường QH 7,5m x2 CXMT
16	LK-A:16	135,80	4.250.000	577.150.000	500.000	115.430.000	Đường QH 7,5m x2
17	LK-A:17	135,70	4.250.000	576.725.000	500.000	115.345.000	Đường QH 7,5m x2
18	LK-A:18	135,60	4.250.000	576.300.000	500.000	115.260.000	Đường QH 7,5m x2
19	LK-A:19	135,60	4.250.000	576.300.000	500.000	115.260.000	Đường QH 7,5m x2
20	LK-A:20	135,50	4.250.000	575.875.000	500.000	115.175.000	Đường QH 7,5m x2
21	LK-A:21	135,40	4.250.000	575.450.000	500.000	115.090.000	Đường QH 7,5m x2
22	LK-A:22	135,40	4.250.000	575.450.000	500.000	115.090.000	Đường QH 7,5m x2
23	LK-A:23	165,00	4.730.000	780.450.000	500.000	156.090.000	Đường QH 7,5m x2 DV
24	LK-C:05	114,70	4.050.000	464.535.000	200.000	92.907.000	QH
25	LK-C:06	114,20	4.050.000	462.510.000	200.000	92.502.000	QH
26	LK-C:07	113,70	4.050.000	460.485.000	200.000	92.097.000	QH
27	LK-C:08	113,20	4.050.000	458.460.000	200.000	91.692.000	QH
28	LK-C:09	112,70	4.050.000	456.435.000	200.000	91.287.000	QH
29	LK-C:10	112,30	4.150.000	466.045.000	200.000	93.209.000	QH CXMT
30	LK-C:11	111,30	4.150.000	461.895.000	200.000	92.379.000	QH CXMT
31	LK-C:12	110,80	4.050.000	448.740.000	200.000	89.748.000	QH
32	LK-C:13	110,30	4.050.000	446.715.000	200.000	89.343.000	QH
33	LK-C:14	109,80	4.050.000	444.690.000	200.000	88.938.000	QH
34	LK-C:15	109,30	4.050.000	442.665.000	200.000	88.533.000	QH
35	LK-C:16	108,80	4.050.000	440.640.000	200.000	88.128.000	QH
36	LK-C:17	108,40	4.050.000	439.020.000	200.000	87.804.000	QH
37	LK-C:18	102,80	4.500.000	462.600.000	200.000	92.520.000	QH DV
38	LK-D:01	90,50	4.500.000	407.250.000	200.000	81.450.000	QH DV
39	LK-D:02	95,00	4.050.000	384.750.000	200.000	76.950.000	QH
40	LK-D:03	95,00	4.050.000	384.750.000	200.000	76.950.000	QH
41	LK-D:04	95,00	4.050.000	384.750.000	200.000	76.950.000	QH
42	LK-D:05	95,00	4.050.000	384.750.000	200.000	76.950.000	QH
43	LK-D:06	95,00	4.050.000	384.750.000	200.000	76.950.000	QH
44	LK-D:07	95,00	4.050.000	384.750.000	200.000	76.950.000	QH
45	LK-D:08	90,50	4.500.000	407.250.000	200.000	81.450.000	QH DV
46	LK-D:09	100,00	4.050.000	405.000.000	200.000	81.000.000	QH
47	LK-D:10	100,00	4.050.000	405.000.000	200.000	81.000.000	QH
48	LK-D:11	100,00	4.050.000	405.000.000	200.000	81.000.000	QH
49	LK-D:12	100,00	4.050.000	405.000.000	200.000	81.000.000	QH
50	LK-D:13	100,00	4.050.000	405.000.000	200.000	81.000.000	QH
51	LK-D:14	100,00	4.150.000	415.000.000	200.000	83.000.000	QH DV
52	LK-D:15	100,00	4.150.000	415.000.000	200.000	83.000.000	QH DV
53	LK-D:16	100,00	4.050.000	405.000.000	200.000	81.000.000	QH
54	LK-D:17	100,00	4.050.000	405.000.000	200.000	81.000.000	QH

55	LK-D:18	100,00	4.050.000	405.000.000	200.000	81.000.000	QH
56	LK-D:19	120,00	4.050.000	486.000.000	200.000	97.200.000	QH
57	LK-D:20	120,00	4.050.000	486.000.000	200.000	97.200.000	QH
58	LK-D:21	120,00	4.050.000	486.000.000	200.000	97.200.000	QH
59	LK-D:22	208,50	3.300.000	688.050.000	500.000	137.610.000	QH S LỚN
60	LK-D:23	120,00	6.350.000	762.000.000	500.000	152.400.000	Đường gom
61	LK-D:24	244,00	6.720.000	1.639.680.000	500.000	327.936.000	Đường gom DV
62	LK-D:25	138,00	4.250.000	586.500.000	500.000	117.300.000	Đường gom
63	LK-D:26	138,00	4.250.000	586.500.000	500.000	117.300.000	Đường gom
64	LK-D:27	129,20	4.250.000	549.100.000	500.000	109.820.000	Đường gom
65	LK-D:28	140,20	4.730.000	663.146.000	500.000	132.629.000	Đường gom DV
66	LK-D:29	217,70	3.300.000	718.410.000	500.000	143.682.000	QH S LỚN
67	LK-D:30	120,00	4.050.000	486.000.000	200.000	97.200.000	QH
68	LK-D:31	120,00	4.050.000	486.000.000	200.000	97.200.000	QH
69	LK-D:32	100,00	4.050.000	405.000.000	200.000	81.000.000	QH
70	LK-D:33	100,00	4.050.000	405.000.000	200.000	81.000.000	QH
71	LK-D:34	100,00	4.050.000	405.000.000	200.000	81.000.000	QH
72	LK-D:35	100,00	4.150.000	415.000.000	200.000	83.000.000	QH CXMT
73	LK-D:36	100,00	4.150.000	415.000.000	200.000	83.000.000	QH CXMT
74	LK-D:37	100,00	4.050.000	405.000.000	200.000	81.000.000	QH
75	LK-D:38	100,00	4.050.000	405.000.000	200.000	81.000.000	QH
76	LK-D:39	100,00	4.050.000	405.000.000	200.000	81.000.000	QH
77	LK-D:40	100,00	4.050.000	405.000.000	200.000	81.000.000	QH
78	LK-D:41	100,00	4.050.000	405.000.000	200.000	81.000.000	QH
79	LK-E:01	90,50	4.500.000	407.250.000	200.000	81.450.000	QH DV
80	LK-E:02	95,00	4.050.000	384.750.000	200.000	76.950.000	QH
81	LK-E:03	95,00	4.050.000	384.750.000	200.000	76.950.000	QH
82	LK-E:04	95,00	4.050.000	384.750.000	200.000	76.950.000	QH
83	LK-E:05	95,00	4.050.000	384.750.000	200.000	76.950.000	QH
84	LK-E:06	95,00	4.050.000	384.750.000	200.000	76.950.000	QH
85	LK-E:07	95,00	4.050.000	384.750.000	200.000	76.950.000	QH
86	LK-E:08	90,50	4.500.000	407.250.000	200.000	81.450.000	QH DV
87	LK-E:09	100,00	4.050.000	405.000.000	200.000	81.000.000	QH
88	LK-E:10	100,00	4.050.000	405.000.000	200.000	81.000.000	QH
89	LK-E:11	100,00	4.050.000	405.000.000	200.000	81.000.000	QH
90	LK-E:12	100,00	4.050.000	405.000.000	200.000	81.000.000	QH
91	LK-E:13	100,00	4.050.000	405.000.000	200.000	81.000.000	QH
92	LK-E:14	100,00	4.050.000	405.000.000	200.000	81.000.000	QH
93	LK-E:15	100,00	4.050.000	405.000.000	200.000	81.000.000	QH
94	LK-E:16	100,00	4.050.000	405.000.000	200.000	81.000.000	QH
95	LK-E:17	238,10	3.300.000	785.730.000	500.000	157.146.000	QH S LỚN
96	LK-E:18	182,40	4.730.000	862.752.000	500.000	172.550.000	Đường QH 7,5m x2 DV
97	LK-E:19	147,00	4.250.000	624.750.000	500.000	124.950.000	Đường QH 7,5m x2
98	LK-E:20	147,00	4.250.000	624.750.000	500.000	124.950.000	Đường QH 7,5m x2

99	LK-E:21	147,00	4.250.000	624.750.000	500.000	124.950.000	Đường QH 7,5m x2
100	LK-E:22	315,60	4.410.000	1.391.796.000	500.000	298.557.000	Đường QH 7,5m x2 DV
101	LK-E:23	100,00	4.150.000	415.000.000	200.000	83.000.000	QH CXMT
102	LK-E:24	100,00	4.150.000	415.000.000	200.000	83.000.000	QH CXMT
103	LK-E:25	100,00	4.150.000	415.000.000	200.000	83.000.000	QH CXMT
104	LK-E:26	100,00	4.150.000	415.000.000	200.000	83.000.000	QH CXMT
105	LK-E:27	100,00	4.150.000	415.000.000	200.000	83.000.000	QH CXMT
106	LK-E:28	100,00	4.150.000	415.000.000	200.000	83.000.000	QH CXMT
107	LK-E:29	100,00	4.150.000	415.000.000	200.000	83.000.000	QH CXMT
108	LK-E:30	100,00	4.150.000	415.000.000	200.000	83.000.000	QH CXMT
109	LK-F:01	149,50	4.730.000	707.135.000	500.000	141.427.000	Đường QH 7,5m x2 DV
110	LK-F:02	132,00	4.250.000	561.000.000	500.000	112.200.000	Đường QH 7,5m x2
111	LK-F:03	132,00	4.250.000	561.000.000	500.000	112.200.000	Đường QH 7,5m x2
112	LK-F:04	132,00	4.250.000	561.000.000	500.000	112.200.000	Đường QH 7,5m x2
113	LK-F:05	131,50	4.250.000	558.875.000	500.000	111.775.000	Đường QH 7,5m x2
114	LK-F:06	122,50	6.720.000	823.200.000	500.000	164.640.000	Đường gom DV
115	LK-F:07	95,00	6.350.000	603.250.000	500.000	120.650.000	Đường gom
116	LK-F:08	95,00	6.350.000	603.250.000	500.000	120.650.000	Đường gom
117	LK-F:09	95,00	6.350.000	603.250.000	500.000	120.650.000	Đường gom
118	LK-F:10	95,00	6.350.000	603.250.000	500.000	120.650.000	Đường gom
119	LK-F:11	95,00	6.350.000	603.250.000	500.000	120.650.000	Đường gom
120	LK-F:12	95,00	6.460.000	613.700.000	500.000	122.740.000	Đường gom MTCX
121	LK-F:13	95,00	6.460.000	613.700.000	500.000	122.740.000	Đường gom MTCX
122	LK-F:14	95,00	6.350.000	603.250.000	500.000	120.650.000	Đường gom
123	LK-F:15	95,00	6.350.000	603.250.000	500.000	120.650.000	Đường gom
124	LK-F:16	95,00	6.350.000	603.250.000	500.000	120.650.000	Đường gom
125	LK-F:17	95,00	6.350.000	603.250.000	500.000	120.650.000	Đường gom
126	LK-F:18	95,00	6.350.000	603.250.000	500.000	120.650.000	Đường gom
127	LK-F:25	95,00	4.050.000	384.750.000	200.000	76.950.000	QH
128	LK-F:26	95,00	4.050.000	384.750.000	200.000	76.950.000	QH
129	LK-F:27	95,00	4.050.000	384.750.000	200.000	76.950.000	QH
130	LK-F:28	95,00	4.050.000	384.750.000	200.000	76.950.000	QH
131	LK-F:29	95,00	4.050.000	384.750.000	200.000	76.950.000	QH
132	LK-F:30	95,00	4.150.000	394.250.000	200.000	78.850.000	QH MTCX
133	LK-F:31	95,00	4.150.000	394.250.000	200.000	78.850.000	QH MTCX
134	LK-F:32	95,00	4.050.000	384.750.000	200.000	76.950.000	QH
135	LK-F:33	95,00	4.050.000	384.750.000	200.000	76.950.000	QH
136	LK-F:34	95,00	4.050.000	384.750.000	200.000	76.950.000	QH
137	LK-F:35	95,00	4.050.000	384.750.000	200.000	76.950.000	QH

138	LK-F:36	95,00	4.050.000	384.750.000	200.000	76.950.000	QH
139	LK-G:01	149,50	4.730.000	707.135.000	500.000	141.427.000	Đường QH 7,5m x2 DV
140	LK-G:02	132,00	4.250.000	561.000.000	500.000	112.200.000	Đường QH 7,5m x2
141	LK-G:03	132,00	4.250.000	561.000.000	500.000	112.200.000	Đường QH 7,5m x2
142	LK-G:04	132,00	4.250.000	561.000.000	500.000	112.200.000	Đường QH 7,5m x2
143	LK-G:05	132,00	4.250.000	561.000.000	500.000	112.200.000	Đường QH 7,5m x2
144	LK-G:06	149,50	4.730.000	707.135.000	500.000	141.427.000	Đường QH 7,5m x2 DV
145	LK-G:07	95,00	4.050.000	384.750.000	200.000	76.950.000	QH
146	LK-G:08	95,00	4.050.000	384.750.000	200.000	76.950.000	QH
147	LK-G:09	95,00	4.050.000	384.750.000	200.000	76.950.000	QH
148	LK-G:10	95,00	4.050.000	384.750.000	200.000	76.950.000	QH
149	LK-G:11	95,00	4.050.000	384.750.000	200.000	76.950.000	QH
150	LK-G:12	95,00	4.150.000	394.250.000	200.000	78.850.000	QH MTCX
151	LK-G:13	95,00	4.150.000	394.250.000	200.000	78.850.000	QH MTCX
152	LK-G:14	95,00	4.050.000	384.750.000	200.000	76.950.000	QH
153	LK-G:15	95,00	4.050.000	384.750.000	200.000	76.950.000	QH
154	LK-G:16	95,00	4.050.000	384.750.000	200.000	76.950.000	QH
155	LK-G:17	95,00	4.050.000	384.750.000	200.000	76.950.000	QH
156	LK-G:18	95,00	4.050.000	384.750.000	200.000	76.950.000	QH
157	LK-H:01	149,50	4.360.000	651.820.000	500.000	130.364.000	Đường QH 7,5m x2 MTCX
158	LK-H:02	110,00	4.250.000	467.500.000	200.000	93.500.000	Đường QH 7,5m x2
159	LK-H:03	110,00	4.250.000	467.500.000	200.000	93.500.000	Đường QH 7,5m x2
160	LK-H:04	110,00	4.360.000	479.600.000	200.000	95.920.000	Đường QH 7,5m x2 MTCX
161	LK-H:05	110,00	4.360.000	479.600.000	200.000	95.920.000	Đường QH 7,5m x2 MTCX
162	LK-H:06	110,00	4.360.000	479.600.000	200.000	95.920.000	Đường QH 7,5m x2 MTCX
163	LK-H:07	110,00	4.360.000	479.600.000	200.000	95.920.000	Đường QH 7,5m x2 MTCX
164	LK-H:08	110,00	4.360.000	479.600.000	200.000	95.920.000	Đường QH 7,5m x2 MTCX
165	LK-H:09	110,00	4.360.000	479.600.000	200.000	95.920.000	Đường QH 7,5m x2 MTCX
166	LK-H:10	110,00	4.360.000	479.600.000	200.000	95.920.000	Đường QH 7,5m x2

							MTCX
167	LK-H:11	110,00	4.360.000	479.600.000	200.000	95.920.000	Đường QH 7,5m x2 MTCX
168	LK-H:12	110,00	4.360.000	479.600.000	200.000	95.920.000	Đường QH 7,5m x2 MTCX
169	LK-H:13	110,00	4.360.000	479.600.000	200.000	95.920.000	Đường QH 7,5m x2 MTCX
170	LK-H:14	110,00	4.360.000	479.600.000	200.000	95.920.000	Đường QH 7,5m x2 MTCX
171	LK-H:15	110,00	4.360.000	479.600.000	200.000	95.920.000	Đường QH 7,5m x2 MTCX
172	LK-H:16	110,00	4.360.000	479.600.000	200.000	95.920.000	Đường QH 7,5m x2 MTCX
173	LK-H:17	110,00	4.360.000	479.600.000	200.000	95.920.000	Đường QH 7,5m x2 MTCX
174	LK-H:18	110,00	4.360.000	479.600.000	200.000	95.920.000	Đường QH 7,5m x2 MTCX
175	LK-H:19	110,00	4.360.000	479.600.000	200.000	95.920.000	Đường QH 7,5m x2 MTCX
176	LK-H:20	110,00	4.360.000	479.600.000	200.000	95.920.000	Đường QH 7,5m x2 MTCX
177	LK-H:21	110,00	4.360.000	479.600.000	200.000	95.920.000	Đường QH 7,5m x2 MTCX
178	LK-H:22	110,00	4.360.000	479.600.000	200.000	95.920.000	Đường QH 7,5m x2 MTCX
179	LK-H:23	105,50	4.730.000	499.015.000	200.000	99.803.000	Đường QH 7,5m x2 DV
180	LK-I:01	177,30	4.730.000	838.629.000	500.000	167.725.000	Đường QH 7,5m x2 DV
181	LK-I:02	105,00	4.250.000	446.250.000	200.000	89.250.000	Đường QH 7,5m x2
182	LK-I:03	105,00	4.250.000	446.250.000	200.000	89.250.000	Đường QH 7,5m x2
183	LK-I:04	105,00	4.250.000	446.250.000	200.000	89.250.000	Đường QH 7,5m x2
184	LK-I:05	105,00	4.250.000	446.250.000	200.000	89.250.000	Đường QH 7,5m x2
185	LK-I:06	105,00	4.250.000	446.250.000	200.000	89.250.000	Đường QH 7,5m x2
186	LK-I:07	105,00	4.250.000	446.250.000	200.000	89.250.000	Đường QH 7,5m x2

187	LK-I:08	105,00	4.360.000	457.800.000	200.000	91.560.000	Đường QH 7,5m x2 MTCX
188	LK-I:09	105,00	4.360.000	457.800.000	200.000	91.560.000	Đường QH 7,5m x2 MTCX
189	LK-I:10	105,00	4.250.000	446.250.000	200.000	89.250.000	Đường QH 7,5m x2
190	LK-I:11	105,00	4.250.000	446.250.000	200.000	89.250.000	Đường QH 7,5m x2
191	LK-I:12	105,00	4.250.000	446.250.000	200.000	89.250.000	Đường QH 7,5m x2
192	LK-I:13	105,00	4.250.000	446.250.000	200.000	89.250.000	Đường QH 7,5m x2
193	LK-I:14	105,00	4.250.000	446.250.000	200.000	89.250.000	Đường QH 7,5m x2
194	LK-I:15	178,00	4.730.000	841.940.000	500.000	168.388.000	Đường QH 7,5m x2 DV
195	LK-I:16	118,10	4.500.000	531.450.000	500.000	106.290.000	QHDV
196	LK-I:17	105,00	4.150.000	435.750.000	200.000	87.150.000	QH MTCX
197	LK-I:18	105,00	4.150.000	435.750.000	200.000	87.150.000	QH MTCX
198	LK-I:19	105,00	4.150.000	435.750.000	200.000	87.150.000	QH MTCX
199	LK-I:20	105,00	4.150.000	435.750.000	200.000	87.150.000	QH MTCX
200	LK-I:21	105,00	4.150.000	435.750.000	200.000	87.150.000	QH MTCX
201	LK-I:22	105,00	4.150.000	435.750.000	200.000	87.150.000	QH MTCX
202	LK-I:23	105,00	4.150.000	435.750.000	200.000	87.150.000	QH MTCX
203	LK-I:24	105,00	4.150.000	435.750.000	200.000	87.150.000	QH MTCX
204	LK-I:25	105,00	4.150.000	435.750.000	200.000	87.150.000	QH MTCX
205	LK-I:26	105,00	4.150.000	435.750.000	200.000	87.150.000	QH MTCX
206	LK-I:27	105,00	4.150.000	435.750.000	200.000	87.150.000	QH MTCX
207	LK-I:28	105,00	4.150.000	435.750.000	200.000	87.150.000	QH MTCX
208	LK-I:29	105,00	4.150.000	435.750.000	200.000	87.150.000	QH MTCX
209	LK-I:30	105,00	4.150.000	435.750.000	200.000	87.150.000	QH MTCX
210	LK-I:31	120,40	4.500.000	541.800.000	500.000	108.360.000	QHDV
211	BT-A:01	384,20	3.600.000	1.383.120.000	500.000	276.624.000	BTCX
212	BT-A:02	285,00	3.240.000	923.400.000	500.000	184.680.000	BT
213	BT-A:03	285,00	3.350.000	954.750.000	500.000	190.950.000	BTCX
214	BT-A:04	285,00	3.350.000	954.750.000	500.000	190.950.000	BTCX
215	BT-A:05	285,00	3.350.000	954.750.000	500.000	190.950.000	BTCX
216	BT-A:06	285,00	3.350.000	954.750.000	500.000	190.950.000	BTCX
217	BT-A:07	285,00	3.350.000	954.750.000	500.000	190.950.000	BTCX
218	BT-A:08	285,00	3.350.000	954.750.000	500.000	190.950.000	BTCX
219	BT-A:09	390,80	3.350.000	1.309.180.000	500.000	261.836.000	BTCX
220	BT-A:10	382,30	3.600.000	1.376.280.000	500.000	275.256.000	BTDV
221	BT-A:11	285,00	3.350.000	954.750.000	500.000	190.950.000	BTCX
222	BT-A:12	285,00	3.350.000	954.750.000	500.000	190.950.000	BTCX
223	BT-A:13	285,00	3.240.000	923.400.000	500.000	184.680.000	BT
224	BT-A:14	285,00	3.240.000	923.400.000	500.000	184.680.000	BT
225	BT-A:15	285,00	3.240.000	923.400.000	500.000	184.680.000	BT
226	BT-A:16	285,00	3.350.000	954.750.000	500.000	190.950.000	BTCX

227	BT-A:17	285,00	3.350.000	954.750.000	500.000	190.950.000	BTCX
228	BT-A:18	311,90	3.600.000	1.122.840.000	500.000	224.568.000	BTDV
229	BT-B:01	361,50	3.350.000	1.211.025.000	500.000	242.205.000	BTCX
230	BT-B:02	330,00	3.240.000	1.069.200.000	500.000	213.840.000	BT
231	BT-B:03	330,00	3.350.000	1.105.500.000	500.000	221.100.000	BTCX
232	BT-B:04	330,00	3.350.000	1.105.500.000	500.000	221.100.000	BTCX
233	BT-B:05	278,40	3.350.000	932.640.000	500.000	186.528.000	BTCX
234	BT-B:06	271,60	3.350.000	909.860.000	500.000	181.972.000	BTCX
235	BT-B:07	330,00	3.350.000	1.105.500.000	500.000	221.100.000	BTCX
236	BT-B:08	325,50	3.600.000	1.171.800.000	500.000	234.360.000	BTDV
237	BT-C:01	285,00	3.240.000	923.400.000	500.000	184.680.000	BT
238	BT-C:02	285,00	3.350.000	954.750.000	500.000	190.950.000	BTCX
239	BT-C:03	247,00	3.350.000	827.450.000	500.000	165.490.000	BTCX
240	BT-C:04	247,00	3.240.000	800.280.000	500.000	160.056.000	BT
241	BT-C:05	247,00	3.240.000	800.280.000	500.000	160.056.000	BT
242	BT-C:06	308,00	3.600.000	1.108.800.000	500.000	221.760.000	BTDV
243	LK-B:01	136,60	4.730.000	646.118.000	500.000	129.223.000	
244	LK-B:02	107,20	4.250.000	455.600.000	200.000	91.120.000	
245	LK-B:03	89,30	4.250.000	379.525.000	200.000	75.905.000	
246	LK-B:04	89,30	4.250.000	379.525.000	200.000	75.905.000	
247	LK-B:05	89,30	4.250.000	379.525.000	200.000	75.905.000	
248	LK-B:06	89,30	4.250.000	379.525.000	200.000	75.905.000	
249	LK-B:07	89,30	4.250.000	379.525.000	200.000	75.905.000	
250	LK-B:08	89,30	4.250.000	379.525.000	200.000	75.905.000	
251	LK-B:09	101,50	4.250.000	431.375.000	200.000	86.275.000	
252	LK-B:10	113,80	4.250.000	483.650.000	200.000	96.730.000	
253	LK-B:11	114,00	4.250.000	484.500.000	200.000	96.900.000	
254	LK-B:12	114,30	4.250.000	485.775.000	200.000	97.155.000	
255	LK-B:13	114,50	4.360.000	499.220.000	200.000	99.844.000	
256	LK-B:14	115,00	4.360.000	501.400.000	500.000	100.280.000	
257	LK-B:15	115,20	4.360.000	502.272.000	500.000	100.454.000	
258	LK-B:16	115,50	4.360.000	503.580.000	500.000	100.716.000	
259	LK-B:17	115,70	4.360.000	504.452.000	500.000	100.890.000	
260	LK-B:18	116,00	4.360.000	505.760.000	500.000	101.152.000	
261	LK-B:19	116,20	4.250.000	493.850.000	200.000	98.770.000	
262	LK-B:20	116,50	4.250.000	495.125.000	200.000	99.025.000	
263	LK-B:21	116,70	4.250.000	495.975.000	200.000	99.195.000	
264	LK-B:22	117,00	4.250.000	497.250.000	200.000	99.450.000	
265	LK-B:23	117,20	4.250.000	498.100.000	200.000	99.620.000	
266	LK-B:24	117,50	4.250.000	499.375.000	200.000	99.875.000	
267	LK-B:25	117,70	4.050.000	476.685.000	200.000	95.337.000	
268	LK-B:26	117,90	4.150.000	489.285.000	200.000	97.857.000	
269	LK-B:27	118,40	4.150.000	491.360.000	200.000	98.272.000	
270	LK-B:28	118,70	4.150.000	492.605.000	200.000	98.521.000	
271	LK-B:29	118,90	4.150.000	493.435.000	200.000	98.687.000	
272	LK-B:30	119,20	4.150.000	494.680.000	200.000	98.936.000	
273	LK-B:31	119,40	4.150.000	495.510.000	200.000	99.102.000	
274	LK-B:32	119,70	4.150.000	496.755.000	200.000	99.351.000	
275	LK-B:33	119,90	4.150.000	497.585.000	200.000	99.517.000	

276	LK-B:34	120,20	4.150.000	498.830.000	200.000	99.766.000	
277	LK-B:35	120,40	4.150.000	499.660.000	200.000	99.932.000	
278	LK-B:36	120,60	4.150.000	500.490.000	500.000	100.098.000	
279	LK-B:37	120,90	4.150.000	501.735.000	500.000	100.347.000	
280	LK-B:38	121,10	4.150.000	502.565.000	500.000	100.513.000	
281	LK-B:39	141,20	4.500.000	635.400.000	500.000	127.080.000	
282	LK-C:01	182,90	4.500.000	823.050.000	500.000	164.610.000	
283	LK-C:02	116,10	4.050.000	470.205.000	200.000	94.041.000	
284	LK-C:03	115,60	4.050.000	468.180.000	200.000	93.636.000	
285	LK-C:04	115,20	4.050.000	466.560.000	200.000	93.312.000	
Tổng 285 lô đất		38.573,9		157.871.168.000		31.594.427.000	